|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD&ĐT TP. ĐÀ NẴNG **TRƯỜNG THPT PHAN CHÂU TRINH** -------------------- *(Đề thi có \_\_\_ trang)* | **KIỂM TRA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023 - 2024 MÔN: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** *Thời gian làm bài: \_\_\_ phút (không kể thời gian phát đề)* |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Họ và tên: ............................................................................ | | | Số báo danh: ....... | **Mã đề 000** |

**Câu 1.** Khi sử dụng đồng hồ đo thời gian hiện số MC964 để xác định thời gian viên bi chuyển động từ cổng quang điện nối với ổ A tới cổng quang điện nối với ổ B, ta điều chỉnh núm xoay để đặt MODE ở kiểu làm việc nào?

**A.** MODE  **B.** MODE A. **C.** MODE T. **D.** MODE A+B.

**Câu 2.** Công thức liên hệ giữa độ dịch chuyển d, vận tốc đầu vo, vận tốc v tại thời điểm t và gia tốc

a của chuyển động thẳng biến đổi đều không đổi chiều là

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Câu 3.** Gọi A là giá trị trung bình của các lần đo lương A. Kết quả đo được ghi là

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Câu 4.** Một vật sẽ đứng yên hoặc chuyển động thẳng đều khi các lực tác dụng lên vật

**A.** vuông góc với nhau. **B.** cân bằng nhau.

**C.** cùng chiều với nhau. **D.** độ lớn khác nhau.

**Câu 5.** Khi nhìn vào tốc kế của ô tô đang chạy, số chỉ trên tốc kế cho ta biết

**A.** tốc độ trung bình của ô tô. **B.** quãng đường đi được của ô tô.

**C.** gia tốc tức thời của ô tô. **D.** tốc độ tức thời của ô tô.

**Câu 6.** Một ôtô xuất phát từ A lúc 6 giờ sáng, chuyển động thẳng đều tới B, cách A 10 km. Biết xe tới B lúc 6 giờ 15 phút sáng, tốc độ của xe là

**A.** 60 km/h. **B.** 50 km/h. **C.** 40 km/h. **D.** 45 km/h.

**Câu 7.** Một xe sau khi khởi hành chuyển động thẳng nhanh dần đều sau 10 s đạt được vận tốc 15 m/s. Gia tốc của xe là

**A.** 0,5 m/s2. **B.** 1,5 m/s2. **C.** 0,75 m/s2. **D.** 2 m/s2.

**Câu 8.** Một ô tô chuyển động trên một đường thẳng. Tại thời điểm t1, ô tô ở cách vị trí xuất phát 2 km. Tại thời điểm t2, ô tô cách vị trí xuất phát 8 km. Từ thời điểm t1 đến thời điểm t2 độ dịch chuyển của ô tô có độ lớn bằng

**A.** 10 km. **B.** 2 km. **C.** 6 km. **D.** 8 km.

**Câu 9.** Độ dịch chuyển và quãng đường đi được của vật có độ lớn bằng nhau khi vật chuyển động…

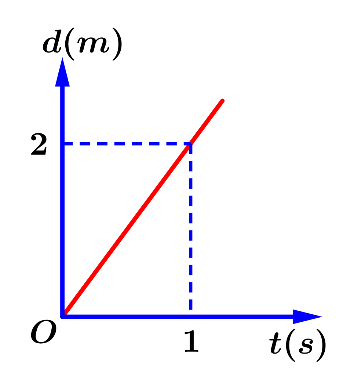
**A.** thẳng và chỉ đổi chiều một lần. **B.** thẳng và chỉ đổi chiều hai lần.

**C.** đều trên một cung tròn. **D.** thẳng và không đổi chiều.

**Câu 10.** Đơn vị đo thời gian trong hệ thống đo lường SI là

**A.** giây. **B.** ngày. **C.** tuần. **D.** giờ.

**Câu 11.** Vật chuyển động thẳng đều có đồ thị độ dịch chuyển theo thời gian như hình vẽ. Tốc độ chuyển động của vật là



**A.** 1 m/s. **B.** 2 km/h. **C.** 2 m/s. **D.** 0,5 m/s.

**Câu 12.** Một người có trọng lượng 750 N đang đứng yên trên mặt đất nằm ngang. Phản lực mà mặt

đất tác dụng lên người đó có độ lớn

**A.** bằng 750 N. **B.** bằng 500 N. **C.** nhỏ hơn 500 N. **D.** lớn hơn 500N.

**Câu 13.** Một vật được ném ngang ở độ cao 45 m. Bỏ qua sức cản của không khí và lấy g = 10 m/s2. Thời gian từ lúc ném tới khi chạm đất là

**A.** 9 s. **B.** 3s. **C.** 5 s. **D.** 4,5 s.

**Câu 14.** Một vật nhỏ được ném theo phương ngang, bỏ qua sức cản không khí. Quỹ đạo chuyển

động của vật có

**A.** đoạn Elip. **B.** đoạn thẳng. **C.** đoạn Parabol. **D.** đoạn Hypebol.

**Câu 15.** Mặt trước của một thiết bị cung cấp nguồn điện như hình bên.



Kí hiệu “DC trên thiết bị có ý nghĩa là

**A.** dòng điện một chiều. **B.** đầu vào của thiết bị.

**C.** độ chia nhỏ nhất. **D.** dòng điện xoay chiều.

**Câu 16.** Một vật chịu tác dụng của hai lực cùng phương, cùng chiều có độ lớn lần lượt là 3 N và 4 N. Độ lớn hợp lực của hai lực này bằng

**A.** 7 N. **B.** 5 N. **C.** 1 N. **D.** 12 N.

**Câu 17.** Hành khách ngồi trên xe ôtô đang chuyển động thẳng đều, xe bất ngờ rẽ sang phải. Theo quán tính hành khách sẽ

**A.** chúi người về phía trước. **B.** nghiêng sang phải.

**C.** ngã người về phía sau. **D.** nghiêng sang trái.

**Câu 18.** Vectơ gia tốc trong chuyển động thẳng nhanh dần đều

**A.** cùng hướng với chuyển động và độ lớn không đổi.

**B.** ngược hướng với chuyển động và độ lớn thay đổi.

**C.** ngược hướng với chuyển động và độ lớn không đổi.

**D.** cùng hướng với chuyển động và độ lớn tăng dần.

**Câu 19.** Một người đẩy một vật nhỏ có khối lượng 15 kg trượt thẳng đều trên sàn nhà nằm ngang với một lực có độ lớn 300 N. Khi đó, độ lớn của lực ma sát trượt tác dụng lên vật sẽ

**A.** nhỏ hơn 300 N. **B.** lớn hơn 300 N. **C.** bằng 150 N. **D.** bằng 300 N.

**Câu 20.** Một vật có khối lượng m, chịu tác dụng của lực  vật chuyển động với gia tốc  Ta có mối quan hệ sau đây là đúng

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

***------ HẾT ------***